

**TÒA ÁN NHÂN DÂN                      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT**  
**THỊ XÃ S - TỈNH L                      Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

Bản án số: 05/2022/HS - ST

Ngày 13/01/2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ S - TỈNH L**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Nguyễn Mạnh Thắng;

***Các Hội thẩm nhân dân:*** 1. Ông Nguyễn Văn Tuấn;

2. Ông Sùng A Cở;

**- *Thư ký phiên tòa:*** Ông Hoàng Mạnh Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh L.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã S tham gia phiên tòa:*** Ông Lã Chúc Cường, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã S, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 39/2021/TLST- HS ngày 30 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2021/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã S đối với bị cáo:

Sùng A T; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 19/01/2003 tại thị xã S, tỉnh L; Nơi cư trú: Thôn V, xã M, thị xã S, tỉnh L. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: H'mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Bố đẻ: Sùng A D, sinh năm 1976; Mẹ đẻ: Giàng Thị M, sinh năm 1973, cùng trú tại thôn V, xã M, thị xã S, tỉnh L. Bị cáo là con thứ ba trong gia đình có năm anh chị em, bị cáo chưa có vợ, chưa có con;

**- Tiền án, tiền sự:** Không.

**- Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 01/10/2021. Hiện bị can đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã S. (Có mặt tại phiên tòa).**

**Người bào chữa cho bị cáo:** Bà Nông Thị T Hằng – Trợ giúp viên thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh L. (Có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại: 1. Cháu Phan Thị Ánh T – Sinh năm 2009; Nơi cư trú: Thôn T Dáy I, xã T, thị xã S, tỉnh L. Người đại diện hợp pháp của bị hại Phan Thị Ánh T là: Ông Phan Văn C – Nơi cư trú: Thôn T Dáy I, xã T, thị xã S, tỉnh L. 2. Cháu Phan Thanh T - Sinh năm 2009; Nơi cư trú: Thôn T Dáy I, xã T, thị xã S, tỉnh L. Người đại diện hợp pháp của bị hại Phan Thị Ánh T là: Ông Phan Ngọc D – Nơi cư trú: Thôn T Dáy I, xã T, thị xã S, tỉnh L. (Người bị hại và người đại diện hợp pháp của người bị hại đều vắng mặt).

Người làm chứng: 1. Ông Sùng A C – Sinh năm 2001 – Nơi cư trú: Thôn V, xã M, thị xã S, tỉnh L. 2. Ông Sùng A D – Sinh năm 1976; Nơi cư trú: Thôn V, xã M, thị xã S, tỉnh L.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 45 phút, ngày 12/7/2021, Sùng A T điều khiển xe mô tô hiệu Honda Wave RSX màu xanh-đen BIÊN SỐ 24B2 - 529.92, chở phía sau là Sung A Chư lưu thông trên đường tỉnh lộ 152 hướng từ xã M đi xã B. Khi đi đến khu vực thuộc thôn Hoàng Liên, xã B, thị xã S, tỉnh L, là đoạn đường xuống dốc, trời tối, bị cáo điều khiển đi tốc độ cao, lấn sang làn đường bên trái theo hướng đi của mình, thì gặp xe mô tô hiệu Honda Wave màu trắng BIÊN SỐ 24B2 - 161.94 do Phan Thị Ánh T điều khiển, chở theo sau là Phan Thanh T chạy theo chiều đường bên phải theo hướng ngược lại. Do không làm chủ được tốc độ, tay lái và đi sai phần đường nên xe mô tô do Sùng A T điều khiển đã đâm vào vị trí cần số và giá đỡ chân phía bên trái của xe mô tô do Phan Thị Ánh T điều khiển làm hai xe bị đổ ngã ra đường. Hậu quả Phan Thị Ánh T, Phan Thanh T bị thương nặng phải đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh L. Sùng A T, Sùng A Chư bị thương, 02 xe mô tô bị hư hỏng.

Sau tai nạn, Công an thị xã S đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông, giám định thương tật đối với Phan Thị Ánh T, Phan Thanh T, định giá thiệt hại đối với 02 xe mô tô bị tai nạn, kiểm tra, xác minh về điều kiện điều khiển phương tiện tham gia thông của những người có liên quan, xác định như sau:

Kết quả khám nghiệm hiện trường: Xác định hiện trường là đường tỉnh lộ 152, đoạn đường thẳng có dốc 6%, mặt đường được rải nhựa bằng phẳng rộng 5,70 mét chạy theo hướng xã M đi xã B, không có chướng ngại vật, tầm nhìn không bị che khuất. Chọn điểm mốc là cột biển báo giao thông đường bộ dốc 6% nằm bên ngoài lề đường hướng S đi Bảo Thắng, chọn mép lề đường bên trái hướng S đi Bảo

Thăng làm mép đường chuẩn. Quá trình khám nghiệm căn cứ vào vết cày, các dấu vết có ở hiện trường và trên hai phương tiện, điếm va chạm được xác định là đầu vết cày đứt đoạn có chiều dài 5 m, rộng 05 cm gọi là điếm 3 theo sơ đồ hiện trường. Đo vào lề chuẩn là 2,7 mét.

Ngày 24/08/2021, Cơ quan CSĐT Công an thị xã S ra quyết định trưng cầu giám định số 83, 84 trưng cầu Trung tâm pháp y tỉnh L giám định thương tích đối với Phan Thị Ánh T và Phan Thanh T.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 184/TgT ngày 01/9/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh L kết luận: Tỷ lệ % tổn thương cơ thể do thương tích gây ra đối với Phan Thị Ánh T 52% (năm mươi hai phần trăm).

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 184/TgT ngày 01/9/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh L kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây ra đối với Phan Thanh T 43%.

- Ngày 21/09/2021, Cơ quan CSĐT Công an thị xã S đã ra yêu cầu định giá tài sản số 450, 456 để xác định thiệt hại về tài sản của xe mô tô BIỂN SỐ 24B2-161.94 và xe mô tô 24B2-529.92. Tại bản kết luận định giá tài sản số 23/KL-HĐĐG ngày 16/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã S kết luận thiệt hại của xe mô tô BIỂN SỐ: 24B2-529.92 là 3.350.000 đồng (*ba triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*). Tại bản kết luận định giá tài sản số 24/KL-HĐĐG ngày 16/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã S, kết luận thiệt hại của xe mô tô BIỂN SỐ: 24B2-161.94 là 1.460.000 đồng. Tổng thiệt hại về tài sản do vụ tai nạn giao thông gây ra là 4.810.000 đồng.

Về điều kiện điều khiển phương tiện tham gia giao thông, ngày 17/9/2021, Cơ quan điều tra có công văn số 107/CV- CQĐT gửi phòng quản lý sát hạch cấp giấy phép lái xe thuộc Sở giao thông vận tải xây dựng tỉnh L, xác minh điều kiện lái xe mô tô đối với Sùng A T. Tại Công văn số 3510/SGTVT XD-QLVT, ngày 20/9/2021 của Sở giao thông vận tải xây dựng tỉnh L trả lời về việc Sùng A T chưa có giấy phép lái xe.

Tại bản cáo trạng số 33/CT-VKS-SP ngày 20/11/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện S truy tố bị cáo Sùng A T về tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã S giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Sùng A T phạm tội “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; Điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Sùng A T từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi được gia đình của bị cáo bồi thường số tiền 26.000.000 đồng, các bị hại và người đại diện hợp pháp của các bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng, tuyên án phí và quyền kháng cáo đối với bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Sùng A T nhất trí với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh. Và đề nghị hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; Điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Sùng A T 02 năm 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo Sùng A T nhất trí với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện S đã truy tố đối với bị cáo, bị cáo không bổ sung gì vào lời bào chữa của người bào chữa, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã S, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Sùng A T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như đã khai tại cơ quan điều tra. Lời khai nhận tội của bị cáo được chứng minh bằng các tài liệu chứng cứ khác như: Biên bản vụ tại nạn giao thông ngày 19/7/2021; Biên bản khám nghiệm hiện trường; Sơ đồ hiện trường; Biên bản và bản ảnh khám nghiệm phương tiện; Bản ảnh khám nghiệm hiện trường. Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 184/TgT ngày 01/9/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh L; Kết luận định giá tài sản số 23/KL-HĐĐG ngày 16/11/2021 và kết luận định giá tài sản số 24/KL-HĐĐG ngày 16/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản; Bản tự khai, biên bản ghi lời khai của bị

cáo; Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Bản kết luận điều tra số 04 ngày 30/11/2021 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã S, tỉnh L. Bản cáo trạng số 41/CT-VKSTXSP ngày 30/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã S, tỉnh L, cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Ngày 12/7/2021 tại đoạn đường tỉnh lộ 152 thuộc địa phận thôn Hoàng Liên, xã B, thị xã S, tỉnh L, bị cáo Sùng A T không có giấy phép lái xe theo quy định, đã điều khiển xe mô tô biển số 24B2-529.92 tham gia giao thông đường bộ, do đi không đúng phần đường, làn đường quy định, không làm chủ được tay lái dẫn đến tai nạn giao thông xảy ra. Hậu quả làm các cháu Phan Thị Ánh T và Phan Thanh T bị thương với tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là 95 %, gây thiệt hại về tài sản là 4.810.000 đ (bốn triệu tám trăm mười nghìn đồng). Hành vi của Sùng A T đã vi phạm khoản 9, Điều 8, khoản 1 Điều 9 của Luật giao thông đường bộ năm 2019 dẫn đến tai nạn giao thông xảy ra. Nguyên nhân dẫn đến việc xảy ra tai nạn giao thông, lỗi hoàn toàn do bị cáo. Hành vi của bị cáo đã phạm tội *"Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"* theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện S truy tố bị cáo về tội *"Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ"* theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có sự hiểu biết về xã hội cũng như pháp luật của nhà nước. Bị cáo nhận thức được hành vi điều khiển xe mô tô tham gia giao thông đường bộ khi không có giấy phép lái xe theo quy định, đi không đúng phần đường, làn đường quy định là vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ, vi phạm pháp luật, song vì chủ quan, cầu thả, không chấp hành đúng quy định của Luật giao thông đường bộ, nên bị cáo đã phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tính mạng và tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ nên cần phải xử lý bị cáo nghiêm khắc trước pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; Bị cáo đã tác động đến gia đình để khắc phục, bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 26.000.000 đồng. Bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ

được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên cần áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt đối với bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Về hình phạt chính: Hội đồng xét xử xét thấy đối với bị cáo cần có một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo và đề nghị của Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù có thời hạn để trừng trị, đồng thời tạo điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân lương thiện, có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy không cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Ông Sùng A Dế là bố đẻ của bị cáo Sùng A T đã bỏ ra số tiền 26.000.000đ (hai mươi sáu triệu đồng) để bồi thường, khắc phục hậu quả cho gia đình cháu Phan Thị Ánh T số tiền 13.000.000 đồng và gia đình cháu Phan Thanh T số tiền 13.000.000 đồng. Đến nay đại diện gia đình của các bị hại đã nhận đủ không có yêu cầu bồi thường thêm gì. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo Sùng A T phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

**Vì các lẽ trên;**

## **QUYẾT ĐỊNH**

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Sùng A T phạm tội “***Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ***”.

[2] Về hình phạt: Áp dụng: Điểm a Khoản 2 Điều 260; Điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Sùng A T 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo 01/10/2021.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 nghị quyết 326/2016-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Sùng A T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm

[4] Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại và người đại diện hợp pháp của người bị hại được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND thị xã 2.
- PV 06 Công an tỉnh;
- Công an thị xã;
- Sở tư pháp tỉnh;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo; Bị hại 2;
- ĐDHP bị hại;
- THADS thị xã S;
- Lưu Hồ sơ HS, HSTHA, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Mạnh Thắng**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Minh Huân**

**Đỗ Trọng Bằng**

**Nguyễn Mạnh Thắng**